

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nghiêm Đình Chế .
2. Ông Tô Huy Bân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 06/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HS ngày 09/01/2025 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1990 tại Bắc Giang.

HKTT: Khu Hoàng Mai 3, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T1, sinh năm 1954 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 (đã chết); Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số 172/2023/HSST ngày 20/11/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; án phí HSST 200.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/10/2024, chưa chấp hành án phí HSST.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 33/2007/HSST ngày 12/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Án phí HSST 50.000 đồng. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

+ Tại bản án số 49/2010/HSST ngày 09/11/2010 của TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng 10 ngày tính từ ngày 09/11/2010; Án phí HSST 200.000 đồng. Tại Bản án số 21/2013/HSST ngày 6/5/2013 của Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 49/HSST ngày 09/11/2010 của TAND huyện Yên Dũng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 năm 3 tháng tù; Án phí HSST 200.000 đồng. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

+ Tại bản án số 02/2016/HSST ngày 25/10/2016 của Toà án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS 1999, án phí HSST 200.000 đồng. Chấp hành xong toàn bộ bản án.

+ Tại bản án số 112/2019/HSST ngày 16/5/2019 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS, án phí HSST 200.000 đồng. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

* **Bị hại:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1989; HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sài cá nhân, khoảng 08 giờ ngày 23/10/2024, Trần Văn T bắt xe khách từ nhà tại thị xã V đi xuống KCN Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Khi đi T mang theo 01 chiếc kim bằng kim loại, có chuỗi bằng nhựa màu đỏ đen, trên chuỗi có in chữ “THAI NGUYEN” và “KTN” T lấy từ nhà với mục đích đột nhập vào các nhà dân xem có ai sở hữu thì trộm cắp tài sản bán lấy tiền ăn tiêu. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, T đến KCN Y, đi bộ lang thang quanh khu vực các nhà trọ của các thôn G. Đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, T nhìn thấy khu nhà trọ của vợ chồng chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1989 và anh Lương Đức P, sinh năm 1987 ở T, Y, Y vắng người nên đã đột nhập vào nhà trọ theo hướng đi từ cổng chính của nhà trọ vào bên trong. T đi bộ men theo lối cầu thang của

phòng trọ lên tầng 3 thì phát hiện phòng trọ số 03 của chị Trần Thị N ở cuối cùng bên trái của nhà trọ hướng từ cầu thang đi lên đang khoá cửa ở ngoài. T quan sát xung quanh khu nhà trọ không có người trông coi liền đi đến cửa phòng trọ của chị N, dùng kim T đã chuẩn bị từ trước cắt phần tai khoá cửa ra vào rồi đột nhập vào bên trong phòng. Tại đây, T thấy trên đầu giường ngủ có để một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 màu đỏ đã qua sử dụng. T dùng tay phải lấy chiếc điện thoại và đút vào túi quần bên phải phía trước T đang mặc rồi tiếp tục lục tìm bên trong phòng nhưng không phát hiện tài sản gì khác. Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại, T đóng lại cửa phòng trọ rồi đi xuống cầu thang xem có phòng nào sơ hở thì tiếp tục cắt khoá để trộm cắp tài sản. Khi T đi xuống đến cầu thang tầng 2 của khu nhà trọ thì bị chủ nhà trọ là chị T2, anh P phát hiện giữ T lại. Do sợ hãi nên T bỏ chạy, bị vấp ngã nên bị vỡ màn hình điện thoại vừa trộm cắp được. Lực lượng Công an đã đến đưa T về trụ sở làm việc. Tại Công an huyện Y, T đã khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản của bản thân như đã nêu ở trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL - HĐĐGTS ngày 28/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận: “01 điện thoại Oppo màu đỏ, Imei1: 866376044347398, Imei2: 866376044347380 đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ việc có giá trị 1.300.000 đồng”.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSYP ngày 06/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Trần Văn T khai nhận: Nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo có thực hiện hành vi như bản cáo trạng đã mô tả. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá tài sản là điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 màu đỏ mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị Trần Thị N, thừa nhận hành vi của mình là phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị N số tiền 2.000.000 đồng.

Bị hại chị Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 23/10/2024, phòng trọ của chị bị kẻ gian đột nhập, cắt khóa và lấy cắp chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đỏ chị mua năm 2018 với giá khoảng 7.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp, bị cáo đã làm vỡ màn hình điện thoại, không còn nguyên vẹn như lúc chưa mất. Nay chị N từ chối nhận lại chiếc điện thoại và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị 2.000.000 đồng. Đối với chiếc khóa cửa loại Việt Tiệp đã cũ, không còn giá trị chị N không yêu cầu bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh duy trì công tố tại phiên tòa hôm nay sau khi đánh giá tính chất của vụ án, phân tích,

đánh giá các chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn T từ 10 tháng tù đến 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2024.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị Trần Thị N số tiền 2.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 màu đỏ đã qua sử dụng, màn hình có vết nứt vỡ, số Imei1: 866376044347398, Imei2: 866376044347380 và 01 chiếc kim bằng kim loại, có chuôi bằng nhựa màu đỏ đen, trên chuôi có in chữ “THAI NGUYEN” và “KTN”.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 Đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo; 01 đĩa DVD bên trong có chứa 03 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh ghi lại nội dung vụ việc.

Bị cáo nhận tội, không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên Công an huyện Y, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với thời gian, địa điểm, tang vật thu được tại hiện trường, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã thể hiện rõ: Khoảng 09 giờ ngày 23/10/2024, tại phòng số 03, tầng 3 thuộc khu nhà trọ của vợ chồng chị Nguyễn Thị T2 và anh Lương Đức P ở T, Y, Y, Trần Văn T đã có hành vi lén lút sử dụng 01 chiếc kim bằng kim loại, có chuôi bằng nhựa màu đỏ đen, trên chuôi có in chữ “THAI

NGUYEN” và “KTN” cắt tai khoá cửa phòng trọ để vào bên trong phòng trộm cắp của chị Trần Thị N 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 màu đỏ đã qua sử dụng trị giá 1.300.000đ. Mặc dù tài sản mà bị cáo trộm cắp được trị giá 1.300.000đ nhưng bị cáo có một tiền án về tội trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này tiền án là tình tiết định tội đối với bị cáo. Do vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất an ninh trật tự trên địa phương, tạo ra tâm lý bất an trong nhân dân. Chính vì vậy phải đưa ra xét xử bị cáo kịp thời nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo đã từng bị Tòa án xử nhiều lần cùng về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy làm bài học tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó cho thấy thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo. Nhưng khi lượng hình cần xem xét sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập và tài sản riêng.

[5] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

Chị N yêu cầu T bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, đồng thời từ chối nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu đỏ. Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị N số tiền này nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Đối với 01 chiếc khoá cửa loại Việt Tiệp của chị N do đã cũ, không còn giá trị, chị N không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 màu đỏ đã qua sử dụng, màn hình có vết nứt vỡ, số Imei1: 866376044347398, Imei2: 866376044347380 do

chị N từ chối nhận lại chiếc điện thoại này. Xét đề nghị này của chị N là phù hợp nên cần tịch thu tiêu hủy chiếc điện thoại này.

Đối với chiếc kim băng kim loại, có chuỗi bằng nhựa màu đỏ đen, trên chuỗi có in chữ “THAI NGUYEN” và “KTN” không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Liên quan trong vụ án: Đối với 01 chiếc khoá cửa loại Việt Tiệp của chị N, sau khi T cắt tại khoá thì chị N đã vứt vào thùng rác và bỏ ra ngoài đường. Công an đã tiến hành tìm nhưng đến nay chưa thu hồi được. Do chiếc khoá đã cũ, không còn giá trị chị N không yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y không xem xét xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Văn T 10 (mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2024.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T bồi thường cho chị Trần Thị N số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 màu đỏ đã qua sử dụng, màn hình có vết nứt vỡ, số Imei1: 866376044347398, Imei2: 866376044347380 và 01 chiếc kim băng kim loại, có chuỗi bằng nhựa màu đỏ đen, trên chuỗi có in chữ “THAI NGUYEN” và “KTN”.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 Đĩa CD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo; 01 đĩa DVD bên trong có chứa 03 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh ghi lại nội dung vụ việc.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- Công an huyện Yên Phong;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- THADS huyện Yên Phong (HLPL);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Hiền